

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2023 /HNGĐ-ST**

Ngày: 19 – 06 – 2023 .

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Y Nik Êban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27/02/2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 05/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lường Thị H**, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn Ninh 2, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – *Có mặt*

- Bị đơn: Ông **Mai Viết N**, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn Ninh 2, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22/2/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lường Thị H trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà H và ông Mai Viết N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về

chung sống hạnh phúc gần được 19 năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đặc biệt là khó khăn về kinh tế, ông N làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố bà Lương Thị H và ông Mai Viết N không phải là vợ chồng.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông N có 02 con chung là Mai Viết A, sinh ngày 13/06/2002 và Mai Viết T, sinh ngày 17/06/2005. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Viết N trình bày: Ông N xác nhận lời trình bày của bà Lương Thị H là hoàn toàn đúng và đồng ý với ý kiến trình bày của bà H. Nay tình cảm ông N và bà H dành cho nhau không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên ông N đề nghị Toà án tuyên bố bà Lương Thị H và ông Mai Viết N không phải là vợ chồng; về con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay các con chung là Mai Viết, sinh ngày 13/06/2002 và Mai Viết T, sinh ngày 17/06/2005 đã trên 18 tuổi. Do đó, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và công nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn và triệu tập các bên đương sự để tham gia phiên hoà giải nhưng do bà Lương Thị H và ông Mai Viết N không có đăng ký kết hôn nên Toà án không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân theo Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Toà án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Nguyên vọng của bà Lương Thị H tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận bà Lương Thị H và ông Mai Viết N là vợ chồng; về con chung là Mai Viết A, sinh ngày 13/06/2002 và Mai Viết T, sinh ngày 17/06/2005 đã trên 18 tuổi, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và công nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Mai Viết N trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị H không có ý kiến trình bày bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của BLTTDS; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị H; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lương Thị H và ông Mai Viết N là vợ chồng; Về con chung: hiện nay các con chung là Mai Viết A, sinh ngày 13/06/2002 và Mai Viết T, sinh ngày 17/06/2005 đã trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lương Thị H, ghi ngày 22/02/2023, Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật: “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn ông Mai Viết N cư trú tại thôn Ninh 2, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Do bà Lương Thị H và ông Mai Viết N không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Toà án nhân dân huyện K không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân theo quy định tại Điều 54 Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ Điều 203 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện K đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Lương Thị H và ông Mai Viết N quen biết và đến với nhau trên cơ sở tự nguyện. Chung sống như vợ chồng từ năm 2000 đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi người sống một nơi. Quá trình thu thập chứng cứ bà LươngThị H và ông Mai Viết N xác nhận trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng bà H và ông N không đến Ủy ban nhân dân xã M, huyện K đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Vì vậy HĐXX, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Lương Thị H và ông Mai Viết N là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Hiện nay các con chung là Mai Viết A, sinh ngày 13/06/2002 và Mai Viết T, sinh ngày 17/06/2005 đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Bà Lương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lương Thị H và ông Mai Viết N là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung là Mai Viết A, sinh ngày: 13/6/2002 và Mai Viết T, sinh ngày 17/6/2005 đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lương Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000830, ngày 27/02/25023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lương Thị H và bị đơn ông Mai Viết N được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai